

Bản án số: **332/2023/HS-PT**

Ngày: 15/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán:

Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1207/2022/TLPT-HS ngày 16 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo Trần Đức T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Đức T, sinh năm 1982 tại tỉnh H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã B, huyện G, tỉnh H; chỗ ở: Lô C3 - B25 khu chợ T, phường C, thành phố H, tỉnh H; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Đức X và bà Ngô Thị H; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 01/7/2022 đến ngày 07/7/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Hồng T - Văn phòng luật sư Đ, Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: Số 329 đại lộ T9, thành phố H, tỉnh H; Vắng mặt và có gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt kèm bài bào chữa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức T là Phó Trưởng phòng Phát triển đầu tư của Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư bất động sản Thành Đông, địa chỉ: Lô CC1, khu đô thị mới T, đường N, phường B, thành phố H. Từ tháng 5/2015 đến tháng 12/2016, T có nhiệm vụ tham gia và phối hợp thực hiện một số công việc chuẩn bị thủ tục đầu tư theo phân công, chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty và Chi nhánh, không được giao nhiệm vụ môi giới bán các lô đất thuộc dự án do Chi nhánh đầu tư tại H. Do cần tiền trả nợ, T đã liên hệ với một số người có quan hệ quen biết từ khi T còn là nhân viên Phòng kinh doanh Chi nhánh, đưa ra thông tin T có lô đất OT6A gồm 10 thửa (08, 09, 10, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21) mặt quay vào chợ L, thuộc dự án khu đô thị phía Nam, thành phố H do Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Đông đang đầu tư cần bán với giá ưu đãi, nếu mua thì đặt cọc đưa trước cho T tiền chênh lệch giữa giá bán của Công ty và giá ưu đãi. Chị Lê Thị Hải V, chị Phạm Thị G, anh Lê Ngọc C và anh Nguyễn Văn V1 đều có nhu cầu mua đất đã tin tưởng vào giới thiệu của T và đã nộp trước tiền đặt cọc theo yêu cầu của T tổng số tiền 3.130.250.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 18/11/2016, anh Nguyễn Văn V1 giao cho T số tiền 585.000.000 đồng. T nhận tiền viết giấy cam kết nhận tiền đặt cọc giao lại cho anh V1.

Chị Lê Thị Hải V giao cho T tổng số tiền 1.109.000.000 đồng, gồm: Ngày 24/11/2016 giao 550.000.000 đồng, ngày 06/12/2016 giao 154.000.000 đồng, ngày 07/12/2016 giao 405.000.000 đồng. T nhận tiền, viết biên nhận tiền giao lại cho chị V.

Chị Phạm Thị G đã giao cho T tổng số tiền 1.200.000.000 đồng, gồm: Ngày 29/11/2016 giao 500.000.000 đồng, ngày 06/12/2016 giao 200.000.000 đồng, ngày 07/12/2016 giao 500.000.000 đồng. T nhận tiền, viết biên nhận tiền giao lại cho chị G.

Ngày 05/12/2016, anh Lê Ngọc C chuyển số tiền 236.250.000 đồng từ tài khoản số 041001540961 của anh C mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) vào tài khoản số 0341006838638 của Trần Đức T mở tại Vietcombank với nội dung chuyển khoản tiền đặt cọc mua đất. Vào 09 giờ 43 phút ngày 05/12/2016, T làm thủ tục rút tiền mặt toàn bộ số tiền trên tại Vietcombank - Chi nhánh H.

Khi nhận tiền của 04 người trên, T hẹn ngày 08/12/2016 cùng T đến Chi nhánh Thành Đông để làm thủ tục chuyển nhượng. Ngày 08/12/2016, chị V, chị G, anh C, anh V1 đến trụ sở Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư bất động sản Thành Đông thì được đại diện chi nhánh thông báo T đã tự ý bỏ việc không lý do, không có mặt ở chi nhánh. Hồi 13 giờ 27 phút ngày 08/12/2016, T nhắn tin từ điện thoại di động số 01675159999 đến số điện thoại của chị V, chị G, anh C, anh V1 có

cùng nội dung “Em xin lỗi anh chị, em dính vào nợ nần nên đã nói dối anh chị có suất ngoại giao để bán lấy tiền chênh lệch của anh chị. Thực tế không có mà do em dựng lên, em gửi số điện thoại để các anh chị tự liên lạc với nhau sẽ rõ sự việc. Đây là hành động cá nhân không liên quan đến công ty. Em xin anh chị cho em cơ hội được làm lại để cố gắng trả anh chị tiền sau. Chị V 0972475555, chị G 0982205228, Anh V1 0977764502, anh C 0903695662”. Qua tìm hiểu biết T không có mặt ở nơi cư trú, gia đình T không biết T đi đâu, làm gì nên ngay trong ngày 08/12/2016 chị V, chị G, anh C, anh V1 cùng viết đơn trình báo sự việc gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H. Sau khi chiếm đoạt tổng số tiền 3.130.250.000 đồng nêu trên, T bỏ trốn, bị truy nã đến ngày 01/7/2022 ra đầu thú.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định :

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đức T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 170, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt Trần Đức T 19 (Mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 01/7/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Đức T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Đức T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng mức hình phạt 19 năm tù đối với bị cáo là quá nghiêm khắc. Gia đình bị cáo cung cấp xác nhận của UBND xã B, huyện G, tỉnh H về việc ông bà nội và bố ruột của bị cáo là cụ Trần Văn S, cụ Hoàng Thị H1, ông Trần Văn X được Nhà nước tặng thưởng “Huân chương kháng chiến”, các đơn xin giảm án đối với Trần Đức T của các bị hại Phạm Thị G, Nguyễn Văn V1 xác nhận gia đình bị cáo đã tích cực hợp tác, thỏa thuận với bị hại trong việc khắc phục hậu quả bị cáo đã gây ra. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt đối với bị cáo.

Luật sư Nguyễn Hồng Thanh bào chữa cho bị cáo có quan điểm tại Bản luận cứ: Không tranh luận về tội danh đã áp dụng đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội, không oan. Kính đề nghị HĐXX xem xét bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nhiều tình tiết

giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội phấn đấu, khắc phục sai phạm của mình để sớm trở về với xã hội, trở thành công dân tốt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Đức T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan; việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là chính xác. Tuy nhiên, mức hình phạt 19 năm tù đối với bị cáo là tương đối nghiêm khắc. Bị cáo là con, cháu gia đình có công với cách mạng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động với gia đình tích cực hợp tác, thỏa thuận với bị hại trong việc khắc phục hậu quả bị cáo đã gây ra, các bị hại Phạm Thị G, Nguyễn Văn V1 có đơn đề nghị giảm hình phạt xuống mức thấp nhất đối với bị cáo. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo Trần Đức T từ 02 (Hai) đến 03 (Ba) năm tù.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa và Bản án sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị cáo Trần Đức T thực hiện trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Trần Đức T không có nhiệm vụ môi giới bán các lô đất thuộc dự án do Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư bất động sản Thành Đông thực hiện nhưng lợi dụng mối quan hệ quen biết với chị Lê Thị Hải V, chị Phạm Thị G, anh Lê Ngọc C, anh Nguyễn Văn V1 từ khi T còn là nhân viên Phòng kinh doanh Chi nhánh Công ty, từ ngày 18/11/2016 đến ngày 07/12/2016, T đã đưa ra thông tin không đúng sự thật giới thiệu Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư bất động sản Thành Đông có các lô đất OT6A thuộc khu đô thị phía Nam thành phố H, tỉnh H bán với giá ưu đãi so với giá chào bán của Công ty, rẻ hơn giá thị trường và nếu mua thì đặt cọc đưa trước cho T tiền chênh lệch giữa giá bán của công ty và giá ưu đãi. Chị G, chị V, anh C, anh V1 tin tưởng giao tiền đặt cọc mua đất cho T với tổng số tiền 3.130.250.000 đồng để T chiếm đoạt rồi bỏ trốn.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của những người bị hại, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Bộ Luật Hình sự.

[3] Tại thời điểm bị cáo Trần Đức T thực hiện hành vi phạm tội, Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 có hiệu lực. Tuy nhiên quy định về

tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nhẹ hơn quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do vậy, vận dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy:

Bị cáo bị truy tố xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, có khung hình phạt từ từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Mặt khác, bị cáo đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của các bị hại và mỗi hành vi chiếm đoạt của mỗi bị hại đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tòa án sơ thẩm đã xem xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt; Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo có tác động để gia đình bồi thường cho chị G số tiền 120.000.000 đồng; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo có bố để được thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, các bị hại có mặt tại phiên tòa và chị G đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để vận dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chính xác.

Tuy nhiên, mức hình phạt 19 năm tù đối với bị cáo là tương đối nghiêm khắc. Bị cáo là con, cháu gia đình có công cách mạng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động với gia đình tích cực hợp tác, thỏa thuận với bị hại trong việc khắc phục hậu quả bị cáo đã gây ra; các bị hại Phạm Thị G, Nguyễn Văn V1 có đơn đề nghị giảm hình phạt xuống mức thấp nhất đối với bị cáo. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa Bản án hình sự sơ thẩm; giảm một phần hình phạt cho bị cáo Trần Đức T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Đức T ; Sửa

phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H như sau:

Tuyên bố bị cáo Trần Đức T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 170, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử phạt Trần Đức T 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 01/7/2022.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Trần Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh H;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS; HCTP, TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mai

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm

Vũ Thị Thu Hà

Lê Thị Mai